

Bản án số: 144/2023/HS-PT

Ngày 22 – 3 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 605/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Cao Thượng Trường Kh do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2022/HS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Cao Thượng Trường Kh, sinh năm 1986 tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: tổ 15, khu phố GH, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Thượng M và bà Đỗ Thị H; có vợ (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 23/12/2020 theo Quyết định truy nã đến nay, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Bá H1 – Luật sư làm việc tại Công ty Luật TNHH MTV Trần Bá H1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Các bị hại có liên quan đến kháng cáo:

1. Ông Đỗ Minh M, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 25 Đường B2, khu TĐC, Khu phố 9, phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, (có mặt).

2. Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 401/50/3/2 đường LHP, Tổ 7, Khu 8, phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, (*vắng mặt*).

3. Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 23/65A đường LHP, Tổ 3, Khu 8, phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, (*vắng mặt*).

4. Ông Lữ Đình P, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Xóm 4, thôn HN, xã HTT, huyện HN, tỉnh Bình Định; địa chỉ tạm trú: Số 130 đường TNL, phường ĐH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, (*có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị Minh Ph, sinh năm 1984; địa chỉ: số 404 đường PL, tổ 1, khu 8, phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: D2P T.E., 2B TQB, Phường 4, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Thượng Trường Kh là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Đầu tư NP (gọi tắt là Công ty NP hoặc Công ty) có trụ sở tại số 676 đường LHP, phường PT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, Công ty có ngành nghề kinh doanh môi giới bất động sản. Trong quá trình kinh doanh, Kh được một số người giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Kh để nhờ làm dịch vụ thực hiện các thủ tục sang tên hoặc liên hệ người nhận chuyển nhượng lại các thửa đất này. Tuy nhiên, do bị thua lỗ và cần tiền để duy trì hoạt động kinh doanh, Kh đã tự ý rao bán và nhận tiền đặt cọc của người mua, sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền đã nhận, cụ thể như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2018, bà Nguyễn Thị Minh Ph thông qua người môi giới là bà Võ Thị Bích T gặp gỡ và thỏa thuận với ông Lương Văn Th1 về việc bà Ph sẽ nhận chuyển nhượng thửa đất số 427, tờ bản đồ số 42, có diện tích 68,1m², địa chỉ tại phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (gọi tắt là thửa 427, tờ bản đồ số 42) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB938207 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/12/2015 cho ông Hoàng Văn H2 (ông Th1 được ông H2 ủy quyền thay mặt ông Th1 thực hiện quyền chuyển nhượng thửa đất). Ngày 22/5/2018, bà Ph và ông Th1 ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở thửa đất số 427, tờ bản đồ số 42 tại Phòng công chứng NTG, phường PH, thành phố TDM. Sau đó, để hoàn tất thủ tục sang tên, bà Ph thuê Cao Thượng Trường Kh làm dịch vụ thực hiện các thủ tục sang tên từ ông H2 sang bà Ph với giá là 2.500.000 đồng (hai bên thỏa thuận miệng, không làm hợp đồng thuê dịch vụ hay ghi biên nhận); bà Ph giao cho Kh các giấy tờ, tài liệu gồm: 01 Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB938207 cấp cho ông Hoàng Văn H2 (bản chính), 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Ph và ông Th1; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà Ph (bản photo). Tuy nhiên, Kh không tiến hành làm thủ tục sang tên đổi chủ thửa đất số 427, tờ bản đồ số 42 cho bà Ph mà Kh đã tự ý thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 427, tờ bản đồ số 42 cho các ông, bà gồm: ông Đỗ Minh M, bà Hoàng Thị Th và bà Trần Thị Kim A rồi ký các Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhận tiền đặt cọc của những người này. Sau đó, Kh không thực hiện việc thỏa thuận với bà Ph để chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho ông M1, bà Th và bà Kim A hoặc bồi thường tiền đặt cọc cho ông M1, bà Th và bà Kim A mà bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền mà Kh đã nhận, cụ thể như sau:

+ *Đối với trường hợp ông Đỗ Minh M:*

Ngày 25/5/2018, sau khi nghe tin Cao Thượng Trường Kh rao bán thửa đất số 427, tờ bản đồ số 42, có diện tích 68,1m², địa chỉ tại phường PH, thành phố TDM thì ông Đỗ Minh M đến gặp Kh tại Công ty NP, hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng thửa đất là 750.000.000 đồng, đồng thời Kh nói với ông M1 là thửa đất trên Kh mua lại của bà Nguyễn Thị Minh Ph và đưa cho ông M1 xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB938207 cấp cho ông Hoàng Văn H2 (bản chính), Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Lương Văn Th1; Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Minh Ph (bản photo). Ông Đỗ Minh M tin tưởng Kh là Giám đốc Công ty NP, chuyên môi giới bất động sản nên ông M1 đã đồng ý ký hợp đồng đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng cho Kh, cam kết trong vòng 30 ngày sẽ hoàn thành thủ tục sang tên cho ông M1. Sau đó, Kh không thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất như đã cam kết và nhiều lần cố ý né tránh không gặp ông M1 nên ông M1 tìm hiểu thì biết được Kh không phải là người được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên cũng như không phải là người được chủ thửa đất ủy quyền chuyển nhượng.

+ *Đối với trường hợp bà Hoàng Thị Th:*

Ngày 08/6/2018, sau khi nghe tin Cao Thượng Trường Kh rao bán thửa đất số 427, tờ bản đồ số 42, có diện tích 68,1m², địa chỉ tại phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, bà Hoàng Thị Th đến gặp Kh tại Công ty NP để trao đổi và hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng thửa đất là 910.000.000 đồng. Trong quá trình thỏa thuận, Kh nói với bà Th là thửa đất trên Kh mua lại của bà Nguyễn Thị Minh Ph và đưa cho bà Th xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB938207 cấp cho ông Hoàng Văn H2 (bản chính), Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Lương Văn Th1. Thủy tin tưởng Kh là

Giám đốc Công ty NP nên bà Th đồng ý đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền cọc, Kh cam kết trong vòng 30 ngày sẽ hoàn thành các thủ tục sang tên cho bà Th, nhưng sau đó Kh không thực hiện cam kết. Trong thời gian này, bà Hoàng Thị Th phát hiện thửa đất trên đang được rao bán trên mạng Internet nên bà Th tìm gặp Kh để hỏi thì Kh thừa nhận Kh không phải là người được nhận chuyển nhượng thửa đất trên, cũng không được người có quyền sử dụng đất ủy quyền chuyển nhượng, Kh hứa hẹn sẽ trả lại tiền cọc cho bà Th. Đến khoảng tháng 7 năm 2018, Kh đã trả lại cho bà Th số tiền 10.000.000 đồng rồi sau đó bỏ trốn.

+ *Đối với trường hợp bà Trần Thị Kim A:*

Ngày 12/6/2018, bà A biết được thông tin Cao Thượng Trường Kh chào bán thửa đất số 427, tờ bản đồ số 42, diện tích 68,1m², địa chỉ tại phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, bà A đến gặp Kh thỏa thuận giá chuyển nhượng thửa đất này, Kh nói với bà A là thửa đất trên Kh mua lại của bà Nguyễn Thị Minh Ph. Kh đưa cho bà A xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB938207 cấp cho ông Hoàng Văn H2 (bản chính). Lúc này, mặc dù biết thửa đất mang tên ông Hoàng Văn H2 nhưng do thấy Kh giữ và giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A nên bà A nghĩ Kh là người có quyền chuyển nhượng, quyền sử dụng thửa đất trên; đồng thời biết Kh là Giám đốc Công ty NP nên bà A tin tưởng, đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên với giá 850.000.000 đồng, bà A đã đặt cọc số tiền 80.000.000 đồng cho Kh, Kh giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn H2 cho bà A. Sau đó, bà A phát hiện thửa đất Kh chuyển nhượng cho bà A không phải do Kh làm chủ sở hữu, bà A tìm gặp Kh để lấy lại tiền đặt cọc thì Kh đã trả lại cho bà A 02 lần vào tháng 6 và tháng 7 năm 2018, mỗi lần 20.000.000 đồng. Sau đó, Kh nhiều lần hứa hẹn sẽ trả lại hết tiền cọc cho bà A nhưng không trả mà bỏ trốn.

+ *Đối với trường hợp ông Lữ Đình P:*

Khoảng tháng 5 năm 2018, Cao Thượng Trường Kh được bà Trần Thị Th2 nhờ Kh làm dịch vụ môi giới chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 674, tờ bản đồ số 20, có diện tích 300m², địa chỉ tại phường ĐH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương do chồng bà Th là ông Hoàng Trung H3 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Th đưa cho Kh những giấy tờ, tài liệu, gồm: Giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Hoàng Trung H3 (bản photo), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Trung H3 (bản photo), Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của vợ chồng bà Th và ông H3 (bản photo). Nhưng sau đó khoảng 01 tuần, bà Th nói cho Kh biết là không cần nhờ Kh

chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên nữa do bà Th không thống nhất về giá chuyển nhượng.

Kh biết được ông Lữ Đình P có nhu cầu mua đất nên Kh nảy sinh ý định chào bán thửa đất số 674, tờ bản đồ số 20, diện tích 300 m² của vợ chồng ông H3, bà Th để lấy tiền cọc. Kh chụp hình Giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Hoàng Trung H3 (bản photo), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Trung H3 (bản photo), Giấy đăng ký kết hôn của vợ bà Th và ông H3 (bản photo) và để tạo thêm lòng tin cho P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Kh tự viết một mặt trước bản “Hợp đồng đặt cọc về chuyển nhượng bất động sản” giữa Kh và ông Hoàng Trung H3 thể hiện nội dung Kh đã đặt cọc cho ông H3 để mua thửa đất số 674 tờ bản đồ số 20, phường ĐH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương rồi gửi tất cả hình ảnh nêu trên sang tin nhắn Zalo cho Phú xem. Khi nhận được tin nhắn của Kh, thấy giá Kh chào bán rẻ hơn so với giá thị trường nên ông P tin tưởng, đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên với giá 1.700.000.000 đồng. Ngày 27/5/2018, P và Kh ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, P giao cho Kh số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền đặt cọc của Phú xong, Kh hứa hẹn vào ngày 26/7/2018 khi P giao đủ tiền sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng tại văn phòng công chứng. Tuy nhiên, đến ngày 19/6/2018, Kh viện lý do cần thêm tiền để thực hiện tiếp các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên đề nghị P đưa thêm cho Kh số tiền 100.000.000 đồng, P đã đưa thêm cho Kh số tiền 100.000.000 đồng thể hiện trong hợp đồng đặt cọc ngày 27/5/2018. Sau đó, Kh không tiến hành đúng những cam kết với P và bỏ trốn.

Ngày 15/8/2018, bà Trần Thị Kim A giao nộp 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 427, tờ bản đồ số 42, có diện tích 68,1m², địa chỉ tại phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/12/2015 cho ông Hoàng Văn H2. Ngày 10/9/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố TDM, tỉnh Bình Dương lập biên bản trả cho bà Nguyễn Thị Minh Ph giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 427, tờ bản đồ số 42 mang tên Hoàng Văn H2.

Quá trình điều tra xác minh: Cơ quan Cảnh sát điều tra xác minh nơi đăng ký thường trú của ông Hoàng Trung H3 tại số A19/8, khu phố 6, phường AK (nay là phường TT), thành phố TĐ, thành phố Hồ Chí Minh và nơi đăng ký thường trú của bà Trần Thị Th2 tại số 64 (tầng 2), đường HTM, phường BN, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh được Công an phường TT và Công an phường BN xác nhận ông H3, bà Th có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên nhưng không cư trú tại địa phương, hiện địa phương không biết ông H3, bà Th đi đâu, làm gì. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh

Bình Dương – Chi nhánh thành phố TDM xác định quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 674, tờ bản đồ số 20, có diện tích 300m², địa chỉ tại phường ĐH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương vào thời điểm tháng 5/2018 là thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Trung H3. Ngày 04/10/2018, ông H3 và bà Th đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho bà Trần Thị Lan Ph1, sinh năm 1978, cư trú tại số 370/264 tổ 14, phường HT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Bản kết luận giám định số 99/GĐ-PC09 ngày 11/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: hai (02) dấu vân tay màu đỏ mang tên Cao Thượng Trường Kh dưới mục “Đại diện bên bán” trên 02 hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng đất đề ngày 08/6 và 12/6 năm 2018 là dấu vân tay ngón trỏ phải và trỏ trái của Cao Thượng Trường Kh in ra (BL 153-154).

Bản kết luận giám định số 227/GĐ-PC09 ngày 01/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: chữ ký và chữ viết họ tên “Cao Thượng Trường Kh” trên 04 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng nhà đất ngày 25/5/2018, 08/6/2018, 12/6/2018, 27/5/2018 giữa Cao Thượng Trường Kh với Đỗ Minh M, Hoàng Thị Th, Trần Thị Kim A, Lữ Đình P cùng do Cao Thượng Trường Kh ký và viết ra (BL 266).

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đỗ Minh M yêu cầu Kh trả lại số tiền 50.000.000 đồng, bà Hoàng Thị Th yêu cầu Kh trả lại số tiền 190.000.000 đồng, bà Trần Thị Kim A yêu cầu Kh trả lại số tiền 40.000.000 đồng và ông Lữ Đình P yêu cầu Kh trả lại số tiền 200.000.000 đồng. Kh chưa bồi thường số tiền trên cho các bị hại.

Tại bản Cáo trạng số: 43/CT-VKS-P1 ngày 24/3/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Cao Thượng Trường Kh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2022/HS-ST ngày 19/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Cao Thượng Trường Kh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Cao Thượng Trường Kh 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 12 năm 2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/7/2022, bị cáo Cao Thượng Trường Kh có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Cao Thượng Trường Kh kháng cáo kêu oan. Bị cáo cho rằng các chủ đất thỏa thuận để bị cáo được bán cho các bị hại và bị cáo ký hợp đồng đặt cọc, nhận tiền nhưng bị cáo không có khả năng trả lại, đồng thời bị cáo không bỏ trốn nên bị cáo không phạm tội.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát với nội dung như sau:

Đơn kháng cáo của bị cáo Cao Thượng Trường Kh là hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo Cao Thượng Trường Kh, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Cao Thượng Trường Kh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; mức án 12 (mười hai) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo Kh là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Cao Thượng Trường Kh kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận; giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Kh.

Bị cáo Cao Thượng Trường Kh trình bày bào chữa: Lúc đầu bị cáo bị điều tra về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng do bị ép cung, mớm cung gợi ý nên bị cáo tự khai và khai để xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, rồi sau đó bị cáo lại bị xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên, bị cáo không phạm tội mà chỉ là kinh doanh sai do thiếu hiểu biết pháp luật. Khi rao bán các thửa đất, bị cáo đã cung cấp thông tin đúng sự thật, những người đặt cọc là hoàn toàn tự nguyện do họ tin tưởng vào việc bị cáo làm giám đốc công ty môi giới bất động sản. Bị cáo đặt cọc chuyển nhượng đất cho các bị hại là do bà Nguyễn Thị Minh Ph và bà Trần Thị Th2 nhờ làm dịch vụ. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án, bị cáo không bỏ trốn. Về số tiền cấp sơ thẩm quy kết bị cáo chiếm đoạt là 530.000.000 đồng cũng là không đúng vì bị cáo đã trả cho các bị hại 50.000.000 đồng nên số tiền bị cáo chiếm đoạt nếu bị truy tố, xét xử chỉ là 480.000.000 đồng thuộc khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Luật sư Trần Bá H1 bào chữa cho bị cáo Cao Thượng Trường Kh trình bày:

Trong vụ án này, bị cáo Cao Thượng Trường Kh bị kết tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của 04 bị hại dựa trên 04 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng trước khi đặt cọc, các bị hại đều biết rõ đất không phải là của bị cáo Kh nhưng họ vẫn thực hiện việc đặt cọc. Ngay sau khi đặt cọc cho bị cáo Kh, bà Trần Thị Kim A đã rao bán thửa đất này trên mạng, nên cũng là người mua đi, bán lại kiếm lời. Đặt cọc trong trường hợp này là nhằm đảm bảo cho việc giao kết, thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nếu bị cáo Kh vi phạm thì bị cáo phải bị phạt cọc theo quy định của pháp luật về dân sự. Việc bị cáo Kh bỏ trốn không có ý nghĩa trong việc xác định tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Mặt khác, quá trình điều tra vụ án có những vi phạm tổ tụng như sau:

Theo Biên bản bàn giao hồ sơ vụ án ngày 30/3/2022 giữa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thì không có 05 bút lục: 167, 233, 234, 236, 241 nhưng các bên không nêu rõ lý do về việc này. Không rõ các tài liệu tại các bút lục này có nội dung gì, liệu có phải là các tài liệu quan trọng và có lợi cho bị cáo nên bị loại ra khỏi hồ sơ vụ án hay không? Việc làm mất các bút lục này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm thiếu đi những chứng cứ quan trọng để giải quyết vụ án.

Lời khai của bị cáo và các bị hại có mâu thuẫn, mặc dù có đối chất nhưng đối với hợp đồng đặt cọc có người làm chứng, nhưng không lấy lời khai của người làm chứng.

Hồ sơ vụ án có dấu hiệu ép cung, mớm cung của Cơ quan điều tra, các biên bản lấy lời khai của các bị hại có nội dung gần như trùng khớp nhau, chỉ có khác về thời gian lập biên bản lấy lời khai.

Trong vụ án này, Viện kiểm sát xác định bà Nguyễn Thị Minh Ph tham gia với tư cách người làm chứng là sai, vì có lúc bà Ph đã yêu cầu bị cáo Kh phải trả lại 2.500.000 đồng tiền làm dịch vụ nên bà Ph phải được xác định và đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới đúng.

Các hợp đồng đặt cọc đều có đóng dấu Công ty TNHH Đầu tư NP, nhưng cấp sơ thẩm không đưa Công ty này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

Thêm nữa, Hồ sơ vụ án không có tài liệu xác minh, điều tra làm rõ ý chí của bà Trần Thị Th2 và ông Hoàng Trung H3 có nhờ bị cáo Kh chuyển nhượng thửa đất thuộc quyền sử dụng của họ hay không?

Với ý kiến trình bày bào chữa cho bị cáo Cao Thượng Trường Kh như trên, Luật sư Trần Bá H1 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm điều tra lại.

+ *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu đối đáp:*

Bị cáo Cao Thượng Trường Kh cho rằng, trong quá trình điều tra, bị cáo bị ép cung, mớm cung, là không có cơ sở. Hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo Kh không có khiếu nại, tố cáo về các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không có việc bà Nguyễn Thị Minh Ph nhờ bị cáo chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không có Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Ph với bị cáo Kh và cũng không có việc bà Ph nhận tiền cọc của bị cáo Kh. Tại phiên tòa phúc thẩm, một lần nữa bà Ph khẳng định là không nhờ bị cáo chuyển nhượng đất, không có Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bị cáo Kh và không nhận tiền cọc của bị cáo Kh. Đồng thời, cũng không có việc bà Trần Thị Th2 nhờ bị cáo chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cũng không có Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Th với bị cáo Kh và không có việc bà Th, ông H3 nhận tiền cọc của Kh.

Cấp sơ thẩm quy kết bị cáo chiếm đoạt của các bị hại số tiền 530.000.000 đồng là đúng, còn số tiền bị cáo đã trả cho bị hại 50.000.000 đồng là tiền bị cáo khắc phục một phần hậu quả cho bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Cao Thượng Trường Kh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra lại vụ án, nhưng các lý do mà Luật sư đưa ra là không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị cáo Kh, giữ nguyên quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị cáo Cao Thượng Trường Kh nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm,

Luật sư bào chữa cho Cao Thượng Trường Kh đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Thượng Trường Kh và Luật sư bào chữa cho bị cáo Kh cho rằng, trong quá trình điều tra bị cáo Kh bị ép cung, mớm cung; Luật sư bào chữa cho bị cáo Kh cho rằng, quá trình điều tra vụ án đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đến mức phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm điều tra lại, là không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về tội danh và hình phạt:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Thượng Trường Kh không thừa nhận hành vi phạm tội theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2022/HS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quy kết đối với bị cáo, bị cáo cho rằng các chủ đất thỏa thuận để bị cáo được bán cho các bị hại và bị cáo ký hợp đồng đặt cọc, nhận tiền nhưng bị cáo không có khả năng trả lại, đồng thời bị cáo không bỏ trốn nên bị cáo không phạm tội.

[2.2] Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với hành vi khách quan bị cáo đã thực hiện trong vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ cơ sở xác định:

[2.2a] Cao Thượng Trường Kh là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Đầu tư NP, có trụ sở tại số 676 đường LHP, phường PT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, Công ty có ngành nghề kinh doanh môi giới bất động sản. Trong quá trình kinh doanh, Kh được một số người giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Kh để nhờ làm dịch vụ thực hiện các thủ tục sang tên hoặc liên hệ người nhận chuyển nhượng lại các thửa đất này.

Khoảng tháng 5 năm 2018, Kh được bà Nguyễn Thị Minh Ph giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/12/2015 cho ông Hoàng Văn H2 đối với thửa đất số 427, tờ bản đồ số 42, có diện tích 68,1m², địa chỉ tại phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương để thuê Kh làm dịch vụ sang tên cho bà Ph là bên nhận chuyển quyền sử dụng thửa đất này theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở đã lập ngày 22/5/2018 tại Phòng Công chứng NTG, phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, ngay sau đó, Kh đã có hành vi gian dối nói với các bị hại Đỗ Minh M, Hoàng Thị Th, Trần Thị Kim A và cung cấp thông tin sai sự thật cho các bị hại này là Kh đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Ph để ông M1, bà Th, bà A tin tưởng lập hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng thửa đất trên của Kh. Qua đó, ngày 25/5/2018 Kh nhận tiền đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng của

ông M1; ngày 08/6/2018 Kh nhận tiền đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng của bà Th và ngày 12/6/2018 Kh nhận tiền đặt cọc số tiền 80.000.000 đồng của bà Kim A.

Vào khoảng tháng 5 năm 2018, Cao Thượng Trường Kh cũng được bà Trần Thị Th2 nhờ làm dịch vụ môi giới chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 674, tờ bản đồ số 20, có diện tích 300m², địa chỉ tại phường ĐH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương do chồng bà Th là ông Hoàng Trung H3 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, bà Th có đưa cho Kh những giấy tờ, tài liệu, gồm: Giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Hoàng Trung H3 (bản photo), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Trung H3 (bản photo), Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của vợ chồng bà Th và ông H3 (bản photo). Sau đó, mặc dù bà Th đã nói cho Kh biết là không cần nhờ Kh chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên nữa, nhưng đến ngày 27/5/2018, Kh đã tự viết hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Kh và ông Hoàng Trung H3 rồi gửi tất cả hình ảnh nêu trên sang tin nhắn Zalo cho ông P xem. Theo đó, ông P đã tin tưởng là Kh đã mua đất của vợ chồng ông H3 và đồng ý ký hợp đồng đặt cọc mua bán đất với số tiền 200.000.000 đồng với Kh, sau đó Kh không thực hiện việc công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông P và bỏ trốn.

[2.2b] Hồ sơ vụ án đã có đủ chứng cứ kết luận, mặc dù Kh không phải là người được quyền sử dụng thửa đất số 427, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương và thửa đất số 674, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại phường ĐH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Đồng thời, Kh cũng không được người sử dụng hợp pháp ủy quyền để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chuyển nhượng 02 thửa đất này. Nhưng vì động cơ tư lợi, nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, Kh đã thực hiện hành vi gian dối là cung cấp thông tin sai sự thật về 02 thửa đất nêu trên là đất của Kh, do Kh đã mua lại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương và đã đặt cọc thửa đất số 674, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại phường ĐH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, chiếm đoạt tài sản của 04 bị hại Đỗ Minh M, Hoàng Thị Th, Trần Thị Kim A và Lữ Đình P với tổng số tiền là 530.000.000 đồng thông qua việc ký kết hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như trên. Sau khi đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại, Kh đã bỏ đi khỏi địa phương, đến ngày 23/12/2020 bị bắt theo Quyết định truy nã số 21 ngày 10/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Với hành vi như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Cao Thượng Trường Kh đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan cho bị cáo.

[3] Về việc bị cáo Cao Thượng Trường Kh kháng cáo cho rằng, số tiền cấp sơ thẩm quy kết bị cáo chiếm đoạt là 530.000.000 đồng là không đúng vì bị cáo đã trả cho các bị hại 50.000.000 đồng, nên số tiền bị cáo chiếm đoạt nếu bị truy tố, xét xử chỉ là 480.000.000 đồng thuộc khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy;

Sau khi đã thực hiện xong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 04 bị hại Đỗ Minh M, Hoàng Thị Th, Trần Thị Kim A và Lữ Đình P với tổng số tiền là 530.000.000 đồng, bị cáo mới trả lại cho bị hại được 50.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm xác định đây là số tiền bị cáo khắc phục bồi thường được một phần cho các bị hại, là đúng. Kháng cáo của bị cáo Kh về phần này là không có cơ sở.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Cao Thượng Trường Kh đã gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, trong khoảng thời gian ngắn 02 tháng, cụ thể là tháng 5 và tháng 6 năm 2018, bị cáo đã liên tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nhiều bị hại, thể hiện rõ thái độ coi thường pháp luật của bị cáo, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, dư luận bất bình và lên án. Sau khi phạm tội, bị cáo Cao Thượng Trường Kh bỏ trốn khỏi địa phương, tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo còn quanh co chối tội không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Trong khi đó, bị cáo Kh chỉ có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do bị cáo có khắc phục bồi thường được một phần cho các bị hại với số tiền 50.000.000 đồng/530.000.000 đồng. Qua đó nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Cao Thượng Trường Kh 12 (mười hai) năm tù là đã tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Thượng Trường Kh kháng cáo kêu oan nhưng không đưa ra được tình tiết nào mới đủ cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kh, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo.

[6] Những ý kiến, quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Cao Thượng Trường Kh trình bày tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra lại vụ án là không phù hợp với phân tích và nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên không được chấp nhận.

[7] Bị cáo Cao Thượng Trường Kh phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Thượng Trường Kh; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2022/HS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;

Tuyên bố bị cáo Cao Thượng Trường Kh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Cao Thượng Trường Kh 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 12 năm 2020.

+ Tiếp tục tạm giam bị cáo Cao Thượng Trường Kh trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm việc thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Cao Thượng Trường Kh phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 22 tháng 3 năm 2023.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương, Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương tổng đạt cho bị cáo);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh

- Các bị hại, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS, VP (24b).